

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 16-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Ngọc Phương.

Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Trịnh Song H, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1985 tại tỉnh Bình Phước; căn cước công dân số: X do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 09/4/2024; nơi đăng ký thường trú: tổ Y, ấp Z, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Thái D và bà Đỗ Thị Dương T; có vợ là bà Nguyễn Thị Bích L2 và có 02 con (sinh năm 2014 và năm 2016); tiền án: ngày 22/02/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 22/02/2023); tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 26/10/2024 đến nay; đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an thành phố T2, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị hại: Bà Thị Mỹ P, sinh năm 1988; nơi thường trú: ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: khu phố B, phường T3, thành phố T4, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị Bích T5, sinh năm 1994; nơi thường trú: ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: khu phố B, phường T3, thành phố T4, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị Thanh S, vắng mặt.
2. Ông Lê Chí T6, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trịnh Song H chấp hành xong án phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 06/4/2024, sống lang thang và không có nghề nghiệp ổn định. Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/8/2024, bị cáo H đi bộ vào khu chợ tự phát tại khu dân cư T3, khu phố B, phường T3, thành phố T2, tỉnh Bình Dương. Khi bị cáo H đi đến trước quầy trái cây tại địa chỉ số M, khu phố B, phường T3, thành phố T2 thì thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, biển số 66V1-067.N của bà Thị Mỹ P đang dựng phía trước. Nhìn thấy xe có sẵn chìa khóa, không có người trông giữ nên bị cáo H đi đến điều khiển xe mô tô bỏ đi khỏi hiện trường. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của bà P, bị cáo H điều khiển xe đến tiệm Internet P tại địa chỉ số N, khu phố H2, phường T3, thành phố T2 rồi nhờ bà Hoàng Thị Thanh S (nhân viên của tiệm) chụp hình xe gửi qua cho bị cáo H nhằm mục đích đăng lên mạng xã hội để bán.

Sau khi phát hiện bị mất xe, bà P báo cho chồng là ông Lê Chí T6 biết. Ông T6 đi tìm xe, khi đi ngang qua tiệm P thì phát hiện xe đang dựng phía trước, ông T6 đi vào hỏi thì bị cáo H từ phía trong đi ra định bỏ chạy nhưng bị ông T6 và nhân viên của tiệm giữ lại rồi trình báo Công an phường T3.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu sơn: xanh - đen - bạc, số khung: 5219CY091497, số máy: 52E4107231, gắn biển số 66V1-067.N. Quá trình điều tra xác định xe mô tô này do bà Nguyễn Thị Bích T5 đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe, bà P mua xe mô tô này của bà T5 nhưng không làm giấy tờ. Sau khi làm việc với bà T5, ngày 07/10/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T2 đã trả lại xe mô tô trên cho bà P.

Tại Kết luận định giá tài sản số 128/KL-HĐĐGTS ngày 13/8/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T2 kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 66V1-067.N trị giá 8.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS-TA ngày 31 tháng 12 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T2, tỉnh Bình Dương quyết định truy tố bị cáo Trịnh Song H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T2, tỉnh Bình Dương phát biểu như sau: Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo tái phạm. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và xử phạt bị cáo H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về xử lý vật chứng: quá trình điều tra, cơ quan điều tra trả lại xe mô tô cho bị hại là đúng quy định.

Bị cáo tự bào chữa: bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, hoàn cảnh của bị cáo quá khó khăn nên mới xảy ra sự việc như vậy, mong Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến đối đáp của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T2, tỉnh Bình Dương: quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do hoàn cảnh của bị cáo không được may mắn, mới ra tù nên gặp rất nhiều khó khăn, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra – Công an, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T2, tỉnh Bình Dương; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại Thị Mỹ P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T5, người làm chứng Lê Chí T6 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Người làm chứng bà Hoàng Thị Thanh S vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, những người này đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến

việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, xét xử vắng mặt bà P, bà T5, ông T6 và bà S.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T2, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định: ngày 07/8/2024, tại địa chỉ M, khu phố B, phường T3, thành phố T2, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trịnh Song H đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 66V1-067.N của bị hại Thị Mỹ P. Kết luận định giá tài sản xác định xe mô tô nêu trên trị giá 8.000.000 đồng.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T2, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: ngày 22/02/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 22/02/2023), chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2024, tuy nhiên bị cáo chưa thi hành về trách nhiệm dân sự và án phí của bản án nêu trên nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự, bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

[7] Bị cáo từng bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/4/2024 nhưng đến ngày 07/8/2024 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện ý thức của bị cáo rất xem thường pháp luật. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Trách nhiệm dân sự: bị hại P không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Xử lý vật chứng: đối với 01 (một) xe mô tô biển số 66V1-067.N bị thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định xe mô tô này do bà Nguyễn Thị Bích T5 đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe và bán lại cho bà P nhưng không làm giấy tờ mua bán. Ngày 07/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T2 trả lại xe mô tô trên cho bà P là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T2, tỉnh Bình Dương về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp. Đối với mức hình phạt đề nghị xử phạt đối với bị cáo: do áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Song H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trịnh Song H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/10/2024.

2. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này,

Bị cáo Trịnh Song H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T2;
- Công an thành phố T2;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T2;
- Nhà Tạm giữ - Công an thành phố T2;
- Người tham gia tố tụng (3);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: hồ sơ vụ án, THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân